

DANH MỤC BỔ SUNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 THÀNH PHỐ CAO BẰNG (BỔ SUNG ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 939 /QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Vị trí, địa điểm			
					Diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất							
						Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác	Địa điểm (đến cấp xã)	Số tờ bản đồ	số thửa
(1)	(2)	(3)	(4)=5+6	(5)	(6)=7+.. +11	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Công trình xử lý nước thải moong khu Bắc thuộc dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin đạt 350.000 tấn/năm	1,3307	0,8895		0,8895	0,0822				0,8073	Phường Tân Giang	tờ số 19, 25 (1/500)	Thửa (tờ): 7,9,10,12,13,14,15,16,21,22,23,24,25,26,27, 28,29,34,35,36,37,41,42,43,45,46,47,48,49,50,65,72 (19); 65,88 (25)
			0,4412		0,4412					0,4412	Phường Hòa Chung	tờ số 39,40,45 (1/500)	Thửa (tờ): 38 (39); 24,25,26,28,29,30,31,32,33,35,36,37, 38,39,40,41,42,43,44,47,48,49 (40); 4 (45)
2	Công trình: Tuyến đường dây 35kV đầu nối Nhà máy thủy điện Pác Khuổi, tỉnh Cao Bằng.	0,0164	0,0164		0,0164	0,0024			0,0080	0,006	Phường Hòa Chung	tờ số 01, 04, 06, 31, 36, 37, 38, 39 (1/10.000)	Thửa (tờ): 89, 72, 54 (01); 12 (04); 01, 02, 353, 126 (06); 30, 53 (31); 100 (36); 3 (37); 17, 26, 29 (38); 171, 172, 173, 174 (39)
Tổng cộng:		1,3471	1,3471		1,3471	0,0846		0,0000		1,2545			

ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 217/QĐ-UBND NGÀY 28/02/2025 CỦA UBND TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 939 /QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng)

NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 217/QĐ-UBND NGÀY 28/02/2025 CỦA UBND TỈNH CAO BẰNG										NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG									
STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích đăng ký (ha)	Diện tích chia theo loại đất (ha)					Vị trí, địa điểm		Tên công trình, dự án	Tổng diện tích đăng ký (ha)	Diện tích chia theo loại đất (ha)					Vị trí, địa điểm		Căn cứ điều chỉnh, lý do điều chỉnh
			Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác	Địa điểm (Cấp Xã)	Số tờ, số thửa			Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác	Địa điểm (Cấp Xã)	Số tờ, số thửa	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Nghĩa trang nhân dân và phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Cao Bằng	4,1409	0,264			3,652	0,2249	Xã Hưng Đạo	Tờ số 45: Thửa đất số: 43, 44, 45, 46, 47, 48, 56, 57, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 73, 74, 75, 80; Tờ số 46: Thửa đất số: 56, 95, 100, 127 (Tỷ lệ 1/1.000); Tờ số DC1: Thửa đất số: 92 (Tỷ lệ 1/10.000)	Nghĩa trang nhân dân và phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Cao Bằng	6,0464	0,0789			5,2251	0,7424	Xã Hưng Đạo	Tờ số 45: Thửa đất số: 8, 22, 23, 27, 28, 32, 34; Tờ số 46: Thửa đất số: 15, 18, 52, 24, 78, 79, 80, 88, 89, 90, 94, 95, 96, 100, 127, 128 (Tỷ lệ 1/1.000) và tờ số DC1: Thửa đất số 92 (Tỷ lệ 1/10.000)	- Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Cao Bằng (đợt 3); Căn cứ Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025 (bổ sung, điều chỉnh đợt 01); Căn cứ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (bổ sung, điều chỉnh đợt 01).
	Tổng	4,1409	0,264			3,652	0,2249				6,0464	0,0789			5,2251	0,7424			